

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội ban hành Nghị quyết về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71- NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Quyết định số 3237/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3230/TTr-SGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ; Tài chính; Y tế; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ triển khai NQ 71-NQ/TW;
- Các Hội, đoàn thể tỉnh (phối hợp);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu:VT, V7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025
của Chính phủ về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em
từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và triển khai hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được xác định tại Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi nhằm hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là Nghị định số 277/2025/NĐ-CP).

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Đảm bảo mọi trẻ em trong độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận giáo dục chất lượng, công bằng.

2. Yêu cầu

Triển khai kịp thời Nghị định số 277/2025/NĐ-CP đến các xã, phường và các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh.

Rà soát, đánh giá và có kế hoạch đảm bảo các điều kiện về tỷ lệ huy động trẻ đến trường, lớp; tình hình đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị.

Đảm bảo tính chính xác trong công tác rà soát đối tượng và tính kịp thời trong thực hiện các chính sách hỗ trợ cho đội ngũ và trẻ em.

Triển khai công tác truyền thông về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo lộ trình, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bảo đảm các điều kiện phổ cập theo quy định. Tạo mọi điều kiện để trẻ em trong độ tuổi

mẫu giáo được tiếp cận giáo dục mầm non, có cơ hội được tiếp cận dịch vụ giáo dục mầm non chất lượng; trên cơ sở phân đầu bảo đảm các điều kiện về đội ngũ giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi. Phân đầu đến năm 2030 tỉnh Gia Lai hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về quy mô, mạng lưới trường, lớp

Rà soát thực hiện sáp nhập điểm trường, trường mầm non công lập có quy mô nhỏ trên cùng địa bàn đảm bảo quy định, phù hợp địa phương. Đến năm 2030 không còn trường mầm non có quy mô không đạt chuẩn.

2.2. Về đội ngũ

Phân đầu 100% lớp mẫu giáo bảo đảm đủ số lượng giáo viên mầm non theo định mức quy định; nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

2.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi

Ưu tiên bố trí nguồn lực của Trung ương và địa phương, phân đầu đến năm 2030 các cơ sở giáo dục mầm non có đủ cơ sở vật chất, bảo đảm 01 phòng học/lớp; 100% phòng học được kiên cố; có đủ thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi theo quy định để tổ chức các hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non.

2.4. Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

2.4.1. Giai đoạn 2026-2028

a) Đối với xã, phường

Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến lớp đạt ít nhất 90%, đối với xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 85%.

Tỷ lệ trẻ em từ 3 đến 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non từ 3 đến 5 tuổi theo độ tuổi hằng năm đạt ít nhất 85%; đối với xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%.

b) Đối với cấp tỉnh

Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Phân đầu đến năm 2028: có 109/135 (tỷ lệ 80,74%) xã, phường được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.

2.4.2. Giai đoạn 2029 - 2030

a) Đối với xã, phường

Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến lớp đạt ít nhất 95%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 90%.

Tỷ lệ trẻ em từ 3 đến 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non từ 3 đến 5 tuổi theo độ tuổi hằng năm đạt ít nhất 90%; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 85%.

b) Đối với cấp tỉnh

Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Phấn đấu đến năm 2030: có 135/135 (tỷ lệ 100%) đơn vị xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

(Biểu chỉ tiêu thực hiện phổ cập theo Phụ lục 01 đính kèm).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

(Nhiệm vụ và lộ trình triển khai thực hiện theo Phụ lục 02 đính kèm)

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Quán triệt sâu sắc các chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước và chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, đưa chỉ tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tham mưu xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, chính sách của địa phương phù hợp với điều kiện thực tế để tăng nguồn lực đầu tư, đảm bảo các điều kiện phổ cập theo quy định. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát theo chức năng, thẩm quyền. Huy động mọi nguồn lực để thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đạt mục tiêu đề ra.

Cấp ủy, chính quyền địa phương giao trách nhiệm cho các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn phối hợp với các cơ sở giáo dục trong việc vận động các gia đình đưa trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến trường, lớp và học 2 buổi/ngày; đánh giá kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào các phong trào thi đua của các đoàn thể, các tổ, khối phố, thôn và các cơ sở giáo dục.

2. Đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi theo quy định

2.1. Bố trí, sắp xếp mạng lưới trường, lớp phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Rà soát, sắp xếp và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với quy hoạch đơn vị hành chính cấp xã, đặc thù địa hình miền núi, biên giới và phân bố dân cư; bố trí, sử dụng hợp lý trụ sở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp

dôi dư sau sắp xếp để chuyển đổi công năng thành cơ sở giáo dục mầm non; ưu tiên bố trí quỹ đất sạch trong quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và nông thôn để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non; quan tâm phát triển cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

Sáp nhập một số trường mầm non công lập ở địa bàn các xã/phường ở cùng địa bàn có khoảng cách, điều kiện giao thông đi lại thuận lợi với quy mô dưới 9 nhóm, lớp; ở vùng đặc biệt khó khăn, xã có dân số dưới 5.000 người dưới 5 nhóm, lớp; ghép điểm trường lẻ có quy mô nhỏ và khoảng cách đi lại dưới 3km, giao thông thuận lợi; tiếp tục duy trì các trường mầm non tư thục và phát triển các cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

2.2. Đảm bảo đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các lớp mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi

Bố trí kinh phí, ưu tiên xây dựng đủ phòng học kiên cố (mới và thay thế bán kiên cố) cho các lớp mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng/01 lớp mẫu giáo; đến năm 2030, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%. Bảo đảm tất cả các xã vùng khó khăn và các vùng đồng bào dân tộc thiểu số đều có trường mầm non.

Thực hiện huy động từ các chương trình, dự án, các tổ chức phi Chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ về cơ sở vật chất, xây mới, nâng cấp, cải tạo các phòng chức năng, phòng thư viện, bếp ăn, nhà vệ sinh, công trình nước sạch, ... để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

2.3. Đảm bảo đủ thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Thực hiện rà soát định kỳ thực trạng trang thiết bị tại các cơ sở giáo dục mầm non. Tập trung huy động mọi nguồn kinh phí hợp pháp để bổ sung, trang bị đầy đủ thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm phục vụ công tác phổ cập và triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới.

- Tập trung nguồn lực đầu tư thiết bị dạy học cho các lớp mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để đảm bảo trẻ em được tiếp cận với các điều kiện học tập công bằng, chất lượng.

- Quan tâm đầu tư trang bị, bổ sung máy vi tính và các thiết bị công nghệ hiện đại cho các cơ sở giáo dục nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số trong giáo dục, phục vụ việc cập nhật phần mềm quản lý phổ cập, cũng như tạo điều kiện cho trẻ bước đầu làm quen với tin học và các phương pháp

giáo dục tiên tiến (STEM/STEAM).

- Tích cực kêu gọi sự hỗ trợ từ các chương trình, dự án, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và các cá nhân trong, ngoài nước để mua sắm đồ chơi ngoài trời, đồ chơi trong lớp, thiết bị phòng chức năng và các học liệu cần thiết khác phục vụ mục tiêu phổ cập cho trẻ 3-5 tuổi.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc bảo quản và sử dụng thiết bị dạy học, đảm bảo các nguồn lực đầu tư được sử dụng đúng mục đích, tránh lãng phí và phát huy tối đa công năng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

3. Đảm bảo nguồn lực thực hiện hiệu quả các chính sách ưu tiên phát triển giáo dục mầm non

3.1 Đảm bảo các chính sách ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, khu đông dân cư, địa bàn có khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất được quy định tại Điều 4, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

3.2 Đảm bảo các chính sách phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

3.3 Đảm bảo các chính sách đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

4. Đào tạo, bồi dưỡng và quản lý đội ngũ

- Tập trung phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và đạt chuẩn trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp theo quy định. Sắp xếp, bố trí và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có để phục vụ tốt nhất cho công tác phổ cập.

- Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo 100% giáo viên mầm non có trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên. Đổi mới phương thức đào tạo theo cơ chế đặt hàng.

- Bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý thành thạo việc sử dụng các phần mềm, ứng dụng mới và biết cách vận hành các thiết bị điện tử hiện đại trong lớp học. Biết sử dụng ngoại ngữ cơ bản để tìm kiếm, tham khảo các ý tưởng hay và hoạt động dạy học sáng tạo từ các nước tiên tiến để áp dụng phù hợp cho trẻ tại địa phương. Thành thạo công nghệ để số hóa các hồ sơ, sổ sách, giúp việc theo dõi sức khỏe và quá trình phát triển của trẻ trở nên nhanh chóng, chính xác hơn. Biết sử dụng máy móc hiện đại như máy tính, màn hình tương tác, thiết bị nghe nhìn để tổ chức các giờ học sinh động, giúp trẻ hứng thú và sớm làm quen với

môi trường công nghệ.

- Hằng năm tổ chức tập huấn về đổi mới nội dung, chương trình giáo dục mầm non mới cho toàn bộ cán bộ quản lý và giáo viên. Bồi dưỡng nghiệp vụ sâu cho đội ngũ làm công tác phổ cập tại cấp xã và các nhân viên theo dõi số liệu phổ cập trẻ từ 3 đến 5 tuổi.

- Vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến, phù hợp với năng lực của trẻ và điều kiện thực tế của địa phương. Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, học liệu để triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá đội ngũ theo chuẩn hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Trên cơ sở đó, có phương án bồi dưỡng hoặc sắp xếp lại đối với những cá nhân không đáp ứng được yêu cầu công việc trong tình hình mới.

- Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ để tham mưu số lượng người làm việc, đảm bảo định mức giáo viên trên lớp theo quy định của Trung ương và phù hợp với đặc thù địa phương sau khi tinh gọn bộ máy

5. Đổi mới nội dung chương trình, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục toàn diện; thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới

5.1. Nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng

Triển khai thực hiện nghiêm túc quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; phòng tránh tai nạn thương tích trong trường học; công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ; phòng, chống dịch bệnh trong nhà trường và cộng đồng theo Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

Kết hợp chế độ dinh dưỡng bán trú với các bài tập vận động khoa học, đặc biệt chú trọng giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng cho trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn của trẻ tại trường thông qua việc Ứng dụng các phần mềm chuyên dụng để lập khẩu phần ăn cân đối, theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ một cách chính xác và kịp thời; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các bếp ăn bán trú, đảm bảo các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm.

5.2. Triển khai Chương trình giáo dục mầm non mới

- Đổi mới phương pháp dạy học "lấy trẻ làm trung tâm", ứng dụng các ứng dụng giáo dục để theo dõi sát sao thể mạnh và sở thích của từng trẻ, giúp 100% trẻ em hoàn thành chương trình học theo độ tuổi.

- Tiếp cận giáo dục tiên tiến (STEM/STEAM): Đưa các hoạt động thực hành sáng tạo, khoa học vào chương trình học thông qua việc khai thác các học liệu điện tử và thiết bị tương tác hiện đại.

- Tăng cường tiếng Việt và bảo tồn văn hóa: Triển khai các giải pháp hỗ trợ trẻ em dân tộc thiểu số tăng cường vốn tiếng Việt dựa trên nền tảng tiếng mẹ đẻ, đảm bảo sự công bằng trong giáo dục.

5.3. Nâng cao chất lượng cho trẻ em mẫu giáo làm quen với ngoại ngữ

Làm quen với ngoại ngữ (Tiếng Anh): Triển khai thực hiện đạt và phân đầu vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đối với giáo dục mầm non trong Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ, đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”; Sử dụng các kho học liệu số và ứng dụng đa phương tiện quốc tế để trẻ được tiếp xúc với tiếng Anh một cách tự nhiên, sinh động, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi.

Làm quen với Tin học: Tổ chức cho trẻ làm quen với các thiết bị công nghệ cơ bản (máy tính, máy tính bảng giáo dục) để hình thành tư duy số và kỹ năng giải quyết vấn đề từ sớm.

Xây dựng mô hình lớp học tương tác: Thí điểm và nhân rộng các "lớp học thông minh" tại các trường trọng điểm, sử dụng thiết bị nghe nhìn hiện đại để thay thế các phương pháp dạy học truyền thống, khô khan.

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục và truyền thông

6.1. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để phát triển giáo dục mầm non

Huy động sức mạnh tổng hợp thu hút các nguồn lực trong xã hội tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi và hỗ trợ về nhân lực, vật lực để phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi về đất, tín dụng, thuế và các thủ tục hành chính, khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập ở những nơi có điều kiện thuận lợi địa bàn đô thị, khu công nghiệp.

Nêu cao tinh thần trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc kêu gọi xã hội hóa, công khai danh sách nhà tài trợ, báo cáo quyết toán theo quy định... để đảm bảo cơ sở thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện đúng quy định.

6.2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, đảm bảo huy động trẻ em trong độ tuổi đến lớp

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, đội ngũ nhà giáo, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc chăm lo, đầu tư

phát triển giáo dục mầm non. Tập trung tuyên truyền về ý nghĩa và lợi ích của việc huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi đến trường, đặc biệt là trẻ 5 tuổi chuẩn bị vào lớp Một; phát huy vai trò phối hợp giữa gia đình với nhà trường để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Triển khai có hiệu quả các chuyên mục, chuyên trang trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao hiệu quả công tác truyền thông. Trong đó, làm rõ vai trò của giáo dục mầm non trong phát triển toàn diện trẻ em và là nền tảng quan trọng cho giáo dục phổ thông. Phổ biến đầy đủ, kịp thời và thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt ở vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

Tăng cường các hình thức tuyên truyền; đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; phối hợp các cơ quan báo chí, truyền thông, đưa tin, ghi hình các hoạt động về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3 đến 5 tuổi.

Phát huy vai trò truyền thông trong cộng đồng để đẩy mạnh công tác vận động trẻ từ 3 đến 5 tuổi đến trường; triển khai hiệu quả tuyên truyền thực hiện tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Đối với các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng được hưởng theo Nghị định 277/NĐ-CP: do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2. Đối với các chính sách về đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp: thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hằng năm của các sở, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.

3. Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

4. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tổ chức, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo từng năm và cả giai đoạn. Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP trong đó tập trung bố trí, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách và các

chương trình, dự án liên quan để đầu tư về quỹ đất, xây mới, cải tạo, nâng cấp trường, lớp mầm non đảm bảo đủ cơ sở phòng học, phòng chức năng theo quy định; thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi; khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục mầm non, từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất đáp ứng mục tiêu yêu cầu theo kế hoạch đề ra.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non; xác định nhu cầu giáo viên theo từng năm học, từng địa bàn để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch bổ sung, bảo đảm đủ số lượng giáo viên theo định mức quy định. Gắn công tác phát triển đội ngũ với quy hoạch mạng lưới trường, lớp mầm non và kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non của tỉnh.

Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, tập huấn cho các cơ sở giáo dục mầm non trong việc triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá, tham mưu cho tỉnh công nhận các địa phương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non và nhân viên giáo dục về các phương pháp giáo dục mới, đặc biệt là kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý. Đảm bảo giáo viên mầm non có khả năng áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, giúp nâng cao chất lượng giáo dục.

Xây dựng và hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non về việc thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả, thu thập dữ liệu chính xác và báo cáo định kỳ về tiến độ triển khai, số lượng trẻ em được huy động và tình trạng cơ sở vật chất.

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tuyên truyền về vai trò quan trọng của giáo dục mầm non, đặc biệt là sự cần thiết của việc huy động trẻ em 3-5 tuổi đến trường, và nâng cao nhận thức trong cộng đồng về tầm quan trọng của giáo dục mầm non.

Chủ trì tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường, các cơ sở giáo dục mầm non rà soát, bổ sung và cung cấp dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác định, huy động đối tượng trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trong diện phổ cập theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

Bảo vệ an ninh, bảo mật thông tin cá nhân trong quá trình khai thác, sử

dụng dữ liệu phục vụ công tác phổ cập giáo dục mầm non trên toàn tỉnh Gia Lai.

3. Sở Nội vụ

Hằng năm, chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, địa phương có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền giao số lượng người làm việc của sự nghiệp giáo dục theo quy định, nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Thẩm định, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi khi tiến hành tổng kết giai đoạn.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đủ kinh phí thực hiện; cân đối nguồn lực tài chính thực hiện các chính sách tại địa phương theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

5. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, và các đơn vị liên quan chăm sóc sức khỏe ban đầu; theo dõi tình trạng dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non; hướng dẫn và kiểm tra việc bảo đảm an toàn thực phẩm, dinh dưỡng học đường tại các bếp ăn bán trú.

Chỉ đạo hệ thống y tế cơ sở phối hợp thực hiện công tác y tế trường học, bảo đảm các điều kiện vệ sinh, nước sạch, nhà vệ sinh, phòng chống tai nạn thương tích; tham gia thu thập, chia sẻ dữ liệu về sức khỏe trẻ phục vụ công tác phổ cập giáo dục mầm non từ 3 đến 5 tuổi, đặc biệt trẻ em tại các vùng khó khăn.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thực hiện quy hoạch và tạo lập quỹ đất để bố trí đất dành cho các sở giáo dục mầm non; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về đất đai tại các cơ sở giáo dục theo quy định nhằm đảm bảo các điều kiện đáp ứng mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non từ 3 đến 5 tuổi;

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lồng ghép các nguồn lực của các chương trình mục tiêu vào kế hoạch triển khai Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, và các đơn vị liên quan tham

muu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công tác ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin; xây dựng chính quyền số; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số, phục vụ hiệu quả công tác giáo dục và đào tạo nói chung, công tác phổ cập giáo dục nói riêng.

8. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, tổ chức tuyên truyền, vận động các gia đình, cộng đồng, cơ quan về mục tiêu, lợi ích và tham gia tích cực đối với công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở giáo dục thông tin, tuyên truyền về mục tiêu phổ cập giáo dục trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tăng cường tuyên truyền về công tác phổ cập giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

9. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc định hướng phát triển hệ thống trường, lớp bảo đảm phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và định hướng theo từng giai đoạn phát triển.

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường và các chủ đầu tư việc áp dụng định mức xây dựng, đơn giá, suất vốn đầu tư, tiêu chuẩn theo quy định. Thẩm định thiết kế, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở giáo dục mầm non, đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn xây dựng, an toàn công trình, phòng cháy chữa cháy và thiết kế trường học theo phân cấp.

Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng công trình trường học mầm non đảm bảo công trình đủ điều kiện nghiệm thu đưa vào sử dụng theo phân cấp quản lý.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã

Chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện Kế hoạch trên địa bàn theo phân cấp quản lý, cụ thể:

- Xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn; chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thôn, làng, tổ dân phố và các lực lượng liên quan trong công tác huy động trẻ.

- Tập trung rà soát, bổ sung quy hoạch mạng lưới, trường, lớp ở địa bàn đô thị, khu công nghiệp; chuyển các trường mẫu giáo thành trường mầm non, tăng thêm ít nhất 10% số trường mầm non công lập có tổ chức nhóm trẻ dưới 24 tháng tuổi; rà soát, sắp xếp các điểm trường theo hướng thu gọn đầu mối đảm bảo thuận lợi để huy động trẻ mầm non đến trường cho từng giai đoạn trên địa bàn, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, cha mẹ trẻ phối hợp với các cơ sở giáo dục mầm non huy động trẻ đến trường, đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách đối với trẻ em, giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Theo dõi, cập nhật và báo cáo số liệu trẻ em trong độ tuổi mầm non; phối hợp với ngành giáo dục, công an, y tế và các tổ chức đoàn thể rà soát, xác định đúng đối tượng trẻ em trong diện phổ cập.

- Bố trí, lồng ghép nguồn lực tại địa phương để hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các điều kiện cần thiết cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện các chính sách tại Kế hoạch này do các cơ sở giáo dục mầm non xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường chỉ đạo các đơn vị trực thuộc liên quan thẩm định và tổng hợp cùng với các chính sách khác vào dự toán ngân sách cấp mình gửi về Sở Tài chính; đồng thời, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, theo dõi.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề xuất gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC 1
DỰ KIẾN ĐƠN VỊ CẤP XÃ ĐẠT PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON
CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI, GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	ĐƠN VỊ CẤP XÃ (xã/phường)	Tỷ lệ huy động trẻ MG 3-5 tuổi năm 2024-2025 (%)	Dân số trong độ tuổi 3-5	Số trẻ em 3-5 tuổi huy động ra lớp	Dự kiến năm đạt chuẩn phổ cập mẫu giáo					Ghi chú
					2026	2027	2028	2029	2030	
	TOÀN TỈNH GIA LAI 135 XÃ, PHƯỜNG				84	12	13	14	12	
1	Phường Quy Nhơn	79.61	4,753	3,784				1		
2	Phường Quy Nhơn Đông	82.86	1,849	1,532		1				
3	Phường Quy Nhơn Tây	70.19	1,030	723				1		
4	Phường Quy Nhơn Nam	84.62	3,226	2,730	1					
5	Phường Quy Nhơn Bắc	79.62	1,771	1,410				1		
6	Xã Nhơn Châu	80.68	88	71	1					
7	Phường Bình Định	74.24	1,258	934					1	
8	Phường An Nhơn	71.59	1,570	1,124					1	
9	Phường An Nhơn Đông	72.70	729	530					1	
10	Phường An Nhơn Tây	79.34	755	599		1				
11	Phường An Nhơn Nam	72.47	977	708				1		
12	Phường An Nhơn Bắc	75.83	1,121	850				1		
13	Phường Bồng Sơn	80.08	1,315	1,053			1			
14	Phường Hoài Nhơn	81.84	1,641	1,343			1			
15	Phường Tam Quan	91.92	879	808	1					

16	Phường Hoài Nhơn Đông	82.71	1,614	1,335	1					
17	Phường Hoài Nhơn Tây	93.57	747	699	1					
18	Phường Hoài Nhơn Nam	86.56	1,034	895	1					
19	Phường Hoài Nhơn Bắc	84.93	1,533	1,302	1					
20	Xã Tuy Phước	73.23	3,097	2,268			1			
21	Xã Tuy Phước Tây	67.73	1,531	1,037					1	
22	Xã Tuy Phước Đông	75.36	2,102	1,584			1			
23	Xã Tuy Phước Bắc	74.20	1,554	1,153			1			
24	Xã Phù Cát	77.15	1,921	1,482				1		
25	Xã Xuân An	74.85	847	634					1	
26	Xã Ngô Mỹ	83.06	661	549	1					
27	Xã Cát Tiến	69.59	1,220	849					1	
28	Xã Đề Ghi	74.39	1,480	1,101			1			
29	Xã Hoà Hội	86.22	784	676	1					
30	Xã Hội Sơn	82.77	441	365	1					
31	Xã Phù Mỹ	85.76	885	759	1					
32	Xã An Lương	82.84	1,375	1,139	1					
33	Xã Bình Dương	85.59	916	784	1					
34	Xã Phù Mỹ Đông	66.32	1,734	1,150					1	
35	Xã Phù Mỹ Tây	84.79	493	418	1					
36	Xã Phù Mỹ Nam	83.52	728	608	1					
37	Xã Phù Mỹ Bắc	87.38	903	789	1					
38	Xã Tây Sơn	82.16	1,530	1,257	1					
39	Xã Bình Khê	79.81	718	573			1			
40	Xã Bình Phú	81.98	666	546	1					
41	Xã Bình Hiệp	89.01	719	640	1					
42	Xã Bình An	84.03	977	821	1					
43	Xã Hoài Ân	93.54	604	565	1					

44	Xã Ân Tường	93.32	644	601	1					
45	Xã Kim Sơn	95.09	550	523	1					
46	Xã Vạn Đức	93.22	575	536	1					
47	Xã Ân Hảo	89.68	533	478	1					
48	Xã Vân Canh	97.49	758	739	1					
49	Xã Canh Vinh	95.67	763	730	1					
50	Xã Canh Liên	100.00	178	178		1				Đặc biệt khó khăn
51	Xã Vĩnh Thạnh	91.08	471	429	1					
52	Xã Vĩnh Thịnh	99.79	477	476	1					
53	Xã Vĩnh Quang	99.54	431	429	1					
54	Xã Vĩnh Sơn	92.13	305	281					1	Đặc biệt khó khăn
55	Xã An Hoà	90.79	543	493	1					
56	Xã An Lão	93.66	505	473	1					
57	Xã An Vinh	100.00	300	300	1					Đặc biệt khó khăn
58	Xã An Toàn	99.10	111	110			1			Đặc biệt khó khăn
59	Phường Pleiku	91.33	415	379	1					
60	Phường Hội Phú	95.62	616	589	1					
61	Phường Thống Nhất	97.85	885	866	1					
62	Phường Diên Hồng	94.32	950	896	1					
63	Phường An Phú	93.57	1,089	1019	1					
64	Xã Biển Hồ	95.03	1,568	1490	1					
65	Xã Gà	97.65	894	873	1					
66	Phường An Khê	91.13	1,082	986	1					
67	Phường An Bình	92.89	1,139	1058	1					
68	Xã Cửu An	92.10	747	688	1					
69	Phường Ayun Pa	99.83	1,149	1147	1					
70	Xã Ia Rbol	94.42	466	440	1					
71	Xã Ia Sao	91.33	415	379	1					

72	Xã Ia Ly	95.62	616	589	1					
73	Xã Chư Păh	97.85	885	866	1					
74	Xã Ia Khuơl	94.32	950	896	1					
75	Xã Ia Phí	93.57	1,089	1019	1					
76	Xã Chư Prông	95.03	1,568	1490	1					
77	Xã Bàu Cạn	97.65	894	873	1					
78	Xã Ia Boòng	91.13	1,082	986	1					
79	Xã Ia Lâu	68.03	1,273	866		1				
80	Xã Ia Pia	87.40	1,087	950		1				
81	Xã Ia Tôr	84.54	951	804				1		
82	Xã Ia Púch	88.34	223	197					1	Xã Biên giới
83	Xã Ia Mơ	90.34	238	215		1				Xã Biên giới
84	Xã Chư Sê	93.53	2,688	2514	1					
85	Xã Bờ Ngoong	86.10	1,633	1406		1				
86	Xã Ia Ko	88.76	1,290	1145			1			
87	Xã Al Bá	95.82	958	918	1					
88	Xã Chư Puh	89.40	1,812	1620		1				
89	Xã Ia Le	75.41	1,216	917					1	
90	Xã Ia Hnú	83.87	2,015	1690		1				
91	Xã Đak Pơ	90.82	926	841	1					
92	Xã Ya Hội	95.17	435	414	1					
93	Xã Kbang	99.02	1,223	1211			1			
94	Xã Kông Bơ La	98.66	748	738	1					
95	Xã Tơ Tung	99.46	559	556	1					
96	Xã Sơn Lang	100.00	536	536	1					
97	Xã Đak Rong	99.56	452	450	1					
98	Xã Krong	100.00	389	389	1					
99	Xã Kông Chro	99.31	1,152	1144	1					

100	Xã Ya Ma	99.23	521	517	1					
101	Xã Chư Krey	95.44	548	523	1					
102	Xã SRó	97.29	554	539	1					
103	Xã Đăk Song	99.13	346	343	1					
104	Xã Chơ Long	94.06	471	443				1		
105	Xã Phú Thiện	86.27	2,091	1804		1				
106	Xã Chư A Thai	88.46	979	866				1		
107	Xã Ia Hiao	85.16	1,038	884					1	
108	Xã Pờ Tó	96.65	837	809	1					
109	Xã Ia Pa	89.56	1,399	1253				1		
110	Xã Ia Tul	90.88	1,140	1036	1					
111	Xã Phú Túc	90.79	2,171	1971	1					
112	Xã Ia Dreh	82.83	1,002	830		1				
113	Xã Ia Rsai	91.83	1,445	1327	1					
114	Xã Uar	89.67	1,443	1294			1			
115	Xã Đak Đoa	90.41	1,595	1442	1					
116	Xã Kon Gang	93.75	1,343	1259	1					
117	Xã Ia Băng	88.39	1,774	1568			1			
118	Xã KDang	91.90	1,086	998	1					
119	Xã Đak Somei	93.45	1,206	1127	1					
120	Xã Mang Yang	93.76	1,378	1292	1					
121	Xã Lơ Pang	95.14	1,091	1038	1					
122	Xã Kon Chiêng	95.99	648	622	1					
123	Xã Hra	86.06	782	673				1		
124	Xã Ayun	88.01	742	653				1		
125	Xã Ia Grai	99.32	1,181	1173	1					
126	Xã Ia Krái	98.82	1,440	1423	1					
127	Xã Ia Hrun	98.47	1,566	1542	1					

128	Xã Ia O	97.46	551	537			1			Xã Biên giới
129	Xã Ia Chía	100.00	546	546	1					Xã Biên giới
130	Xã Đức Cơ	94.19	1,170	1102		1				
131	Xã Ia Dơk	93.59	1,092	1022	1					
132	Xã Ia Krêl	98.69	1,379	1361	1					
133	Xã Ia Dom	93.32	524	489				1		Xã Biên giới
134	Xã Ia Pnôn	93.14	379	353				1		Xã Biên giới
135	Xã Ia Nan	93.02	444	413					1	Xã Biên giới

PHỤ LỤC 2
NHIỆM VỤ VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON
CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI GIAI ĐOẠN 2025 - 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến
1	Xây dựng kế hoạch, tổ chức, triển khai, thực hiện Nghị định	- Sở GDĐT (Phòng GDMN-TH); - UBND xã, phường	- Sở, ngành cấp tỉnh: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp & Môi trường, Sở Xây dựng, Sở KH&CN; - UBND xã, phường; - Các đơn vị truyền thông; - Các tổ chức, cá nhân liên quan.	2025-2030	- Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định; - Kế hoạch của các xã, phường.
2	Rà soát đánh giá, tham mưu ban hành, cơ chế, chính sách phát triển GDMN	- Sở GDĐT - UBND xã, phường	- Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp - UBND xã, phường; - Các phòng thuộc Sở GDĐT: Văn phòng, Kế hoạch -Tài chính, Tổ chức cán bộ. - Các đơn vị có liên quan.	2025-2030	- Báo cáo rà soát, đánh giá; - Đề xuất xây dựng chính sách; - Nghị quyết/Quyết định của các cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chính sách.
3	Rà soát, đánh giá thực trạng quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường/lớp; CSVC, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cấp học mầm non	Sở GDĐT (Phòng KHTC)	- Sở, ngành của tỉnh; - Các phòng thuộc Sở: Giáo dục Mầm non - Tiểu học, Văn phòng Sở, Giáo dục Trung học; - UBND phường, xã.	2026	- Báo cáo rà soát, đánh giá; - Đề xuất xây dựng chính sách, kế hoạch đầu tư, văn bản chỉ đạo.
4	Rà soát đánh giá thực trạng phát triển đội ngũ cấp học mầm non	Sở GDĐT (Phòng TCCB)	- Sở, ngành của tỉnh; - Các phòng thuộc Sở: Giáo dục Mầm non- Tiểu học, Văn phòng Sở,	2026	- Báo cáo, rà soát đánh giá - Đề xuất xây dựng chính sách, văn bản chỉ đạo

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến
			Giáo dục Trung học; - UBND phường, xã; - Các đơn vị có liên quan.		
5	Rà soát, đánh giá, nâng cấp hệ thống thông tin phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Sở GDĐT (Phòng GDMN-TH, Phòng GDTrH)	- Sở, ngành của tỉnh; - Công an tỉnh; - UBND phường, xã; - Các phòng thuộc Sở: Văn phòng Sở, Kế hoạch - Tài chính; - Các đơn vị có liên quan	2026-2027	- Báo cáo rà soát, đánh giá; - Kế hoạch nâng cấp hệ thống; - Các buổi hội thảo, tập huấn, kiểm thử phần mềm; - Hệ thống thông tin phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được nâng cấp và đưa vào hoạt động.
6	Tổ chức truyền thông về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	Sở GDĐT (Văn phòng)	- Sở, ngành của tỉnh; - Công an tỉnh; - UBND phường, xã; - Các phòng thuộc Sở: Văn phòng Sở, Kế hoạch - Tài chính; - Các đơn vị có liên quan.	2026-2030	Các sản phẩm truyền thông
7	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ phổ cập cho thành viên Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp xã.	Sở GDĐT; (Phòng GDMN-TH, GDTrH)	- Sở, ngành cấp tỉnh; - UBND phường, xã; - Các phòng thuộc Sở: Văn phòng Sở, Kế hoạch - Tài chính; - Các đơn vị, cá nhân có liên quan.	2026-2030	Kế hoạch bồi dưỡng; Tài liệu bồi dưỡng; Các lớp bồi dưỡng, tập huấn.
8	Kiểm tra đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5	Sở GDĐT	- Sở, ngành của tỉnh; - UBND phường, xã; - Các phòng thuộc Sở: Văn phòng Sở, Giáo dục Mầm non - Tiểu học,	Hàng năm	- Kiểm tra đánh giá, quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi cho các xã,

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến
	tuổi		Giáo dục Trung học, Kế hoạch - Tài chính; Tổ chức cán bộ, Quản lý chất lượng, GDNN-GDTX - Các đơn vị, cá nhân có liên quan		phường - Báo cáo UBND tỉnh, Bộ GDĐT
9	Sơ kết, tổng kết	- Sở GDĐT - UBND xã, phường	- Văn phòng UBND tỉnh; - Sở, ngành của tỉnh; - UBND phường, xã; - Các phòng thuộc Sở: Văn phòng Sở, Giáo dục MN-TH, Giáo dục TrH, Kế hoạch - Tài chính; Tổ chức cán bộ, Quản lý chất lượng, GDNN-GDTX - Các tổ chức, cá nhân liên quan	- Giai đoạn 1: 2028; - Giai đoạn 2: 2030.	- Hội nghị sơ kết, tổng kết; - Báo cáo đánh giá, đề xuất kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo; - Quyết định khen thưởng; - Sản phẩm truyền thông.